HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Số: 2309 **/ĐDNSHTP**

Ngày 23 tháng 09 năm 2026

Giữa

NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT (BVBANK)

Và

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Hôm nay, ngày 23 tháng 09 năm 2026, tại Trụ sở Công ty TNHH Chứng khoán ACB, chúng tôi gồm có:

BÊN A: NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT (BVBANK)

(sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**Bên A**")

GCNĐKDN/GP hoạt động số:	0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992 và các lần sửa đổi, bổ sung
Địa chỉ:	Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 62 679 679
Đại diện:	**Ông HOÀNG VY LONG**
Chức vụ:	Giám đốc Khối thị trường tài chính BVBank

(Theo Giấy ủy quyền số 22/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 08/01/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt)

Và

BÊN B: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**Bên B**")

GCNĐKDN/GP hoạt động số:	06/GPHĐKD được cấp bởi UBCKNN ngày 29/6/2000 và các lần sửa đổi, bổ sung
Địa chỉ:	Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 7300 7000
Fax	(028) 7300 3751
Tài khoản số:	1163 999 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Lê Ngô Cát
Đại diện:	**Ông NGUYỄN ĐỨC HOÀN**
Chức vụ:	**Tổng Giám đốc**

(Theo giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12/02/2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên)

Bên A và Bên B được gọi riêng là "**Bên**" và được gọi chung là "**Các Bên**" hoặc "**Hai Bên**".

Các Bên cùng nhau ký kết Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu (sau đây gọi tắt là "**Hợp**

Đồng") với các nội dung như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA, NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH HỢP ĐỒNG

1.1. Định nghĩa:

Trong Hợp Đồng này và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này, trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, các định nghĩa và giải thích sau được hiểu thống nhất và toàn vẹn trong Hợp Đồng như sau:

- "**Hợp Đồng**": Hợp Đồng này và các phụ lục, thỏa thuận, cam kết khác có dẫn chiếu đến Hợp Đồng hoặc ngược lại.
- "**Bản Cáo Bạch**": Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng do Tổ Chức Phát Hành công bố nhằm chào bán trái phiếu ra công chúng theo Quyết định số .121.../26/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 01. năm 2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ việc chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2026
- "**Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu**": Các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank được quy định tại Bản Cáo Bạch của Tổ Chức Phát Hành.
- "**Trái Phiếu**": Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành với người sở hữu (i) được Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ việc chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2026 theo Quyết định số..121../26/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 01. năm 2026 và (ii) được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Tổ Chức Phát Hành phát hành ra công chúng theo Bản Cáo Bạch và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- **"Ngày Phát Hành"**: Ngày phát hành trái phiếu là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu. Trái phiếu trong một đợt chào bán có cùng ngày phát hành.
- "**Người Sở Hữu Trái Phiếu**": Nhà đầu tư sở hữu một hoặc nhiều Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.
- "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**": Có nghĩa như được quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này.

- **"VSDC"**: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- "**Bất Khả Kháng**": Các sự kiện xảy ra mang tính khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các khó khăn về tài chính đơn thuần mà không đáp ứng các tiêu chí nêu trên không được xem là Bất Khả Kháng. Bất Khả Kháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
  a) Hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, đại dịch, lũ lụt, động đất, bão, bão nhiệt đới hoặc các thảm họa tự nhiên khác;
  b) Chiến tranh, bạo loạn, hoạt động quân sự nước ngoài, hoạt động chiến sự (dù được tuyên bố hay không tuyên bố);
  c) Khủng bố, chiến tranh dân sự, cách mạng, khởi nghĩa, bạo động quân sự, nổi loạn;
  d) Quốc hữu hóa, quyết định của Chính phủ, bao vây, cấm vận, đình công.
- "**Bên Thứ Ba**": Bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác (bao gồm các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) không phải là Các Bên trong Hợp Đồng.
- "**Thông Tin Mật**": Bất kỳ thông tin, tài liệu hay giấy tờ nào liên quan đến hoạt động kinh doanh, các nhãn hiệu, bí quyết công nghệ, giá trị kinh doanh của Bên Tiết Lộ Thông Tin, các dữ liệu tài chính, dữ liệu cá nhân, bí mật ngân hàng, dữ liệu khách hàng/nhà đầu tư, thông tin khác được một Bên ("**Bên Tiết Lộ Thông Tin**") tiết lộ cho Bên còn lại ("**Bên Tiếp Nhận Thông Tin**") bất kể nhận được hoặc có được bằng miệng, văn bản, bằng việc kiểm tra hay thông qua máy tính, phương tiện từ tính hoặc điện tử khác, phương tiện cơ khí hoặc hình ảnh. Bên Tiếp Nhận Thông Tin thừa nhận rằng Thông Tin Mật được tiết lộ bởi Bên Tiết Lộ Thông Tin thuộc sở hữu của Bên Tiết Lộ Thông Tin, và sẽ luôn là tài sản riêng của Bên Tiết lộ Thông Tin. Thông Tin Mật không bao gồm các thông tin sau:
  a) Hiện đang hoặc, sau khi tiết lộ, là thông tin đại chúng, ngoại trừ đó là kết quả của việc tiết lộ trái phép những thông tin đó của Bên Tiếp Nhận Thông Tin.
  b) Được Bên Thứ Ba cung cấp cho Bên Tiếp Nhận Thông Tin mà Bên Thứ Ba đó không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ bảo mật.
  c) Các Thông Tin Mật hoặc bí quyết do Bên Tiếp Nhận Thông Tin có được một cách độc lập
  d) Thông tin được Bên Tiết Lộ Thông Tin đồng ý bằng văn bản cho phép Bên Tiếp Nhận Thông Tin lưu hành hay sử dụng rộng rãi.

  Không có nội dung nào trong Hợp đồng này được coi là, có ngụ ý hoặc theo cách khác, để chuyển giao quyền sở hữu Thông Tin Mật hoặc cấp phép bản quyền liên quan đến

Thông Tin Mật cho Bên Tiếp Nhận Thông Tin.

- "**Hối Lộ**": Hành vi đưa tiền, quà biếu, vật phẩm có giá trị hay hình thức phi vật chất dưới bất kỳ hình thức nào như là một cách để đút lót, thưởng hay cảm ơn liên quan đến hoặc phát sinh từ Hợp Đồng.
- "**Ngày Làm Việc**": Các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ, lễ, tết, nghỉ bù theo quy định pháp luật Việt Nam (tính theo thời gian dương lịch).
- "**Giờ Làm Việc**": Thời gian làm việc từ 08 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút và 13 giờ đến 17 giờ 00 phút các Ngày Làm Việc (tính theo múi giờ Việt Nam).**"Biên Bản Nghiệm Thu":** biên bản được ký kết bởi Các Bên để nghiệm thu, xác định công việc Bên B đã hoàn tất theo từng giai đoạn và khoản phí tương ứng mà Bên B thực hiện thu theo quy định tại Hợp Đồng ("**Phí Hợp Đồng**").
- **"Biên Bản Thanh Lý":** Biên bản được ký kết bởi Các Bên để ghi nhận việc chấm dứt thỏa thuận của Hai Bên tại Hợp Đồng này, khoản Phí Hợp Đồng mà Bên B thực hiện thu và thống nhất thanh lý Hợp Đồng.
- "**Văn Kiện Trái Phiếu**": Các văn bản liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu, bao gồm Bản Cáo Bạch và bất kỳ văn kiện, tài liệu và/hoặc văn bản thoả thuận nào khác được xác lập bởi Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản và thừa nhận đó là một phần của Văn Kiện Trái Phiếu, tuỳ từng thời điểm.
- Các từ hoặc thuật ngữ không được định nghĩa tại mục này và đã được định nghĩa trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh, sẽ có nghĩa tương tự trong Hợp Đồng.

1.2. Giải thích:

Trong Hợp Đồng và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng, trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những quy tắc sau đây sẽ được áp dụng để giải thích:

- Thời gian trong Hợp Đồng và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng là thời gian dương lịch và tính theo múi giờ Việt Nam, trừ khi có quy định khác trong điều khoản liên quan.
- Ngày được dùng trong Hợp Đồng và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng có nghĩa là một ngày dương lịch trừ khi được xác định là một Ngày Làm Việc trong điều khoản liên quan.
- Bất kỳ điều gì phải thực hiện theo Hợp Đồng và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng rơi vào ngày không phải là Ngày Làm Việc sẽ được thực hiện và sẽ có hiệu lực khi

thực hiện vào Ngày Làm Việc kế tiếp.

- Tham chiếu đến các điều khoản và các phụ lục là tham chiếu đến các điều khoản và các Phụ lục của Hợp Đồng. Tất cả các Phụ lục là một bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng.
- Tiêu đề/tên gọi của các điều chỉ có giá trị tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích, xác định bản chất tất cả các nội dung điều khoản Hợp Đồng dưới bất kỳ hình thức nào.
- Vi phạm được xem là đang tiếp diễn nếu vi phạm đó chưa được khắc phục hoặc chưa được miễn khắc phục.

Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu đến trong Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này được hiểu là văn bản quy phạm pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang có hiệu lực thi hành vào thời điểm giao kết Hợp Đồng này và trong thời gian Trái Phiếu lưu hành.

ĐIỀU 2: CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

2.1. Phạm vi công việc

Bằng Hợp Đồng này, Bên A chỉ định và Bên B đồng ý làm tổ chức đại diện cho quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ Trái Phiếu.

Nội dung công việc như sau:

- Phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các quyền lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Điều 2.1 này;
- Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức có liên quan khác (nếu có).
- Nhận và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức liên quan khác (nếu có) yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu và ngược lại trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được các văn bản đó. Phương thức và hình thức thông báo quy định tại Điều 16 Hợp Đồng này;
- Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan (nếu có) thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu, phù hợp với Văn Kiện Trái Phiếu mà Bên B được nhân danh làm đại diện.

Để làm rõ, Bên B:

- Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước Tổ Chức Phát Hành/Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đã được quy định rõ ràng tại Văn Kiện Trái Phiếu;
- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể trái với, bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nào hoặc quyết định, văn bản của cơ quan Nhà nước, tổ chức quản lý có thẩm quyền hay quy chế của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp phát sinh bất kỳ công việc hay nhiệm vụ đó, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày phát sinh công việc hay nhiệm vụ, trong đó nêu rõ cơ sở và/hoặc quy định liên quan về việc không thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó.

- Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu để đảm bảo các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu. Để làm rõ, việc giám sát của Bên B được thực hiện trên cơ sở hồ sơ nhận được từ Tổ Chức Phát Hành, cơ quan có thẩm quyền và các tổ chức liên quan cung cấp (nếu có), và những thông tin trong các hồ sơ nêu trên sẽ mặc nhiên được coi là chính xác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có nghĩa vụ kiểm tra, xác minh về tính xác thực của những hồ sơ đó. Tổ Chức Phát Hành cam kết bảo đảm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực đối với các thông tin do mình cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và cam kết chịu trách nhiệm trong trường hợp có bất kì sai sót nào xảy ra đối với những hồ sơ do mình cung cấp, dù là vô ý hay cố ý;
- Thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ Lục Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu của Hợp Đồng này khi có yêu cầu hợp lệ của người có thẩm quyền triệu tập theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức lấy ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu) ("Người Yêu Cầu") phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu, quy định

của pháp luật; thay mặt và nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu ký các Biên bản họp/Biên bản kiểm phiếu, các Quyết định/Nghị quyết của Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

- Hỗ trợ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Văn Kiện Trái Phiếu (bao gồm các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế) và quy định pháp luật (nếu có).

Để tránh nhầm lẫn, Các Bên đồng ý và khẳng định rằng:

- Ngoài các công việc đã được quy định tại Điều 2.1, nghĩa vụ của Bên B không bao gồm: tư vấn về thuế, pháp luật, chính sách, kế toán, niêm yết hoặc cung cấp các ý kiến/dịch vụ chuyên môn hay kỹ thuật khác; tư vấn chiến lược hoặc các vấn đề tài chính nói chung; và các nội dung, phạm vi công việc khác không được quy định rõ tại Hợp Đồng này.
- Hợp Đồng này không được coi là sự liên kết, liên đới và/hoặc liên doanh giữa Bên A và Bên B dưới bất kỳ hình thức nào (dù là trực tiếp hay gián tiếp) về các trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi và các khoản thanh toán khác (nếu có) của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu.

2.2. Bên A cam đoan và bảo đảm rằng trong thời gian hiệu lực Hợp Đồng, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là Bên B. Việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có hiệu lực cho đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu nào lưu hành hoặc xảy ra sự kiện chấm dứt tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 2.3 hoặc Hợp Đồng chấm dứt, tùy thuộc vào sự kiện nào đến trước.

2.3. Chấm dứt tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:

a. Thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thay đổi khi được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;
- Thời điểm chấm dứt tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu của Bên B được xác định theo văn bản có hiệu lực của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

b. Từ nhiệm tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Bên B có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 35 (ba mươi lăm) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm;
- Trong vòng 35 (ba mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo từ nhiệm của Bên B, Tổ Chức Phát Hành sẽ lựa chọn một tổ chức khác (sau đây gọi là "Đại Diện Thay Thế") đáp ứng điều kiện quy định của Hợp đồng này làm Đại Diện Thay Thế và phải được sự chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành tại thời điểm đó về việc lựa chọn. Tổ Chức Phát Hành gửi thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua VSDC) về việc chỉ định trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày việc chỉ định có hiệu lực.
- Trường hợp không lựa chọn được Đại Diện Thay Thế hoặc tổ chức được lựa chọn không đạt được tỷ lệ biểu quyết được chấp thuận của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nêu trên trong thời hạn quy định, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng này.

c. Chấm dứt bắt buộc tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Bên B chấm dứt bắt buộc tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp: (i) có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/văn bản pháp luật có hiệu lực về việc Bên B không được thực hiện/không được tiếp tục thực hiện vai trò Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc (ii) Bên B chấm dứt hoạt động hoặc ngừng một phần hoạt động kinh doanh liên quan đến công việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc (iii) vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như quy định trong Văn Kiện Trái Phiếu.
- Trong vòng 35 (ba mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày có quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm, Tổ Chức Phát Hành sẽ lựa chọn một tổ chức làm Đại Diện Thay Thế và phải được sự chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành tại thời điểm đó về việc lựa chọn.

d. Trường hợp có Đại Diện Thay Thế hợp lệ theo quy định tại điều khoản này, Bên B phải bàn giao đầy đủ hồ sơ, dữ liệu, lịch sử trao đổi, báo cáo và các công việc đang thực hiện cho tổ chức thay thế trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày có hiệu lực của việc chỉ định.

ĐIỀU 3: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

Nội dung được trình bày cụ thể tại Mục I, Phụ lục – Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

ĐIỀU 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Nội dung được trình bày cụ thể tại Mục II, Phụ lục – Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

ĐIỀU 5: PHÍ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí Hợp Đồng và phương thức thanh toán cụ thể do Các Bên thỏa thuận tại Phụ lục đính kèm Hợp Đồng này.

ĐIỀU 6: NGHIỆM THU HỢP ĐỒNG

6.1. Điều kiện, căn cứ nghiệm thu:

Các Bên tiến hành nghiệm thu khi có đủ các điều kiện nghiệm thu như sau:

a. Công việc theo Điều 2.1 của Hợp Đồng này đã hoàn tất theo từng giai đoạn/hoàn tất toàn bộ theo Hợp Đồng (tùy từng trường hợp) hoặc Hợp Đồng chấm dứt trước hạn theo các trường hợp khác, tùy theo thời điểm nào đến trước;

b. Các Bên có thể tiến hành nghiệm thu theo từng đợt phát hành, hoặc sau khi kết thúc toàn bộ việc phát hành theo Điều 2.1 của Hợp Đồng này.

Hồ sơ nghiệm thu: Đề nghị thanh toán, Biên Bản Nghiệm Thu/hoặc Biên Bản Thanh Lý (tùy trường hợp áp dụng), hóa đơn tài chính hợp lệ.

6.2. Thành phần nhân sự nghiệm thu: đại diện hợp pháp của Các Bên.

6.3. Kết quả nghiệm thu được thể hiện bằng Biên Bản Nghiệm Thu/Biên Bản Thanh Lý (tùy từng trường hợp). Đối với các nội dung không đạt điều kiện, căn cứ nghiệm thu, Các Bên ghi nhận vào Biên Bản Nghiệm Thu và thống nhất thời gian khắc phục.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

7.1. Quyền của Bên A:

a. Yêu cầu Bên B thực hiện các nội dung quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng.

b. Yêu cầu Bên B cung cấp các tài liệu hướng dẫn, giải đáp thắc mắc liên quan đến phạm vi công việc mà Bên B cung cấp;

c. Các quyền khác được nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật.

7.2. Nghĩa vụ của Bên A:

a. Cam kết có đầy đủ điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định của pháp luật.

b. Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo thống nhất giữa

Các Bên và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của các thông tin, tài liệu, dữ liệu, các kế hoạch, chỉ dẫn cung cấp cho Bên B. Bên B không có trách nhiệm xác minh thông tin, tài liệu, dữ liệu của Bên A và được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp có bất kỳ sai lệch nào và hệ quả từ các công việc xuất phát từ các thông tin sai lệch nêu trên, trừ trường hợp Bên B sử dụng thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp sai mục đích hoặc không thực hiện đúng chuẩn mực nghề nghiệp của Bên B.

c. Tuân thủ nội dung của thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin giữa Bên A và Bên B. Chỉ sử dụng các thông tin Bên B cung cấp nhằm mục đích thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp Bên A và/hoặc nhân sự của Bên A tiết lộ các Thông Tin Mật không đúng quy định tại Hợp Đồng này hoặc/và thỏa thuận bảo mật thông tin nêu trên thì được xem là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và theo đó sẽ bị áp dụng chế tài tại điểm 12.1.2 và 12.2 Điều 12 Hợp Đồng này.

d. Thanh toán Phí Hợp Đồng đúng thời hạn cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng này.

e. Bên A sẽ bồi thường và bồi hoàn cho Bên B mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Bên B phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Bên A có hành vi lừa dối hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này.

f. Bên A phải chủ động gửi báo cáo bằng văn bản tới Bên B trong trường hợp phát sinh hoặc có nguy cơ phát sinh hành vi vi phạm của Bên A đối với bất kỳ cam kết nào của Bên A tại Văn Kiện Trái Phiếu trong vòng 01 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày phát sinh hành vi vi phạm hoặc ngày mà Bên A nhận thức được hành vi vi phạm có nguy cơ xảy ra. Bên B sẽ mặc nhiên xem là không có hành vi vi phạm hoặc không có nguy cơ phát sinh hành vi vi phạm đối với những cam kết của Bên A nếu Bên A không báo cáo theo quy định này, và sẽ được miễn trừ toàn bộ các trách nhiệm trong trường hợp xảy ra bất kỳ sai sót gì liên quan đến hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đúng quy định của Bên A.

g. Các nghĩa vụ khác được nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

8.1. Quyền của Bên B:

a. Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn các thông tin, tài liệu, dữ liệu cần thiết để đảm bảo cho quá trình thực hiện Hợp Đồng.

b. Sử dụng các thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp để phục vụ cho mục đích thực hiện công việc quy định tại Hợp Đồng này.

c. Trường hợp các thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp không đúng, không đủ theo nội dung, thời hạn được thống nhất giữa Các Bên và Bên B đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thông báo, trao đổi nhưng Bên A vẫn không cung cấp đầy đủ, thì Bên B được quyền từ chối thực hiện công việc theo Hợp Đồng. Để làm rõ, trong trường hợp này, Bên B không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào với Bên A, bao gồm cả phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

d. Bên B không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hiệu lực của các thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp cho Bên B nhưng Bên B có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) thẩm tra, yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan phù hợp với quy định pháp luật nhằm xác minh, làm rõ các thông tin, tài liệu, dữ liệu này và Bên A có nghĩa vụ thực hiện theo đúng yêu cầu của Bên B.

e. Yêu cầu Bên A thanh toán Phí Hợp Đồng theo Điều 5 của Hợp Đồng này.

f. Không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Bên B, là có thể trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật, quy định của tổ chức quản lý (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán…), quyết định, phán quyết của cơ quan Nhà nước.

g. Các quyền khác được nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật.

8.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a. Thực hiện đúng các nội dung công việc quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng.

b. Khi thực hiện công việc được quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm: (i) thực hiện chính xác, trung thực, đầy đủ và đúng đắn theo các thông tin, tài liệu, dữ liệu mà Bên A đã cung cấp cho Bên B và tuân thủ quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp đối với kết quả công việc cung cấp cho Bên A và (ii) hành vi được thực hiện bởi các nhân sự mà Bên B phân công thực hiện phạm vi công việc cho Bên A theo quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này. Trong trường hợp xác định do lỗi của Bên B mà gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải chịu trách nhiệm giải quyết, đảm bảo Bên A không bị ảnh hưởng và/hoặc có liên quan; đồng thời, Bên B đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh cho Bên A.

c. Tuân thủ nội dung của thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin giữa Bên A và Bên B.

d. Trường hợp Bên B không thực hiện hoặc thực hiện công việc không đúng thời gian, tiến độ và yêu cầu công việc theo quy định của Hợp Đồng này mà do lỗi trực tiếp từ Bên B, thì Bên B phải (i) bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh cho Bên A (bao gồm các khoản thiệt hại phát sinh từ việc xử phạt, chi phí khắc phục hợp lý phát sinh nếu có) với mức bồi thường không vượt quá mức Phí Dịch vụ mà Bên B đã nhận được từ Bên A tính đến thời điểm bồi thường; (ii) ngay lập tức đề xuất biện pháp khắc phục và thực hiện biện pháp khắc phục nhằm hoàn thành công việc với chi phí khắc phục đều do Bên B chịu trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên A và Bên B.

e. Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với mọi thiệt hại phát sinh từ lỗi của Bên B, bao gồm: (i) việc thực hiện các hành vi vượt quá công việc đại diện quy định trong Hợp đồng này hoặc quy định pháp luật; (ii) cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu gây thiệt hại cho Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc uy tín Bên A; (iii) các hành vi vi phạm các điều khoản được quy định tại Hợp đồng này. Trong mọi trường hợp, mức bồi thường thiệt hại không vượt quá mức Phí Dịch vụ mà Bên B đã nhận được từ Bên A tính đến thời điểm bồi thường.

f. Thông báo ngay cho Bên A trong trường hợp Bên B nhận thấy các tài liệu, các kế hoạch, chỉ dẫn, thông tin, dữ liệu Bên A cung cấp cho Bên B không đầy đủ để hoàn thành công việc; cùng với Bên A bàn bạc giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có).

g. Cam kết không chuyển giao một phần quyền hoặc nghĩa vụ của mình cho bất cứ một Bên Thứ Ba nào nếu không có sự chấp thuận của Bên A.

h. Thông báo đầy đủ, kịp thời cho Bên A các sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình thực hiện Hợp Đồng.

i. Chỉ sử dụng các thông tin Bên A cung cấp để thực hiện phạm vi công việc theo Hợp Đồng này. Trường hợp Bên B và/hoặc nhân sự của Bên B tiết lộ các Thông Tin Mật không đúng quy định tại Hợp Đồng này hoặc Thỏa thuận bảo mật thông tin được xem là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và theo đó sẽ bị áp dụng chế tài tại điểm 12.1.2 và 12.2 Điều 12 Hợp Đồng này.

j. Các nghĩa vụ khác được nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện Hợp Đồng này trên tinh thần hợp tác và cố gắng tối đa để Hợp Đồng này đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, Các Bên sẽ không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng trong trường hợp Bất Khả Kháng.

9.2. Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng là hậu quả trực tiếp của sự kiện Bất Khả Kháng sẽ không bị coi là vi phạm Hợp Đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ:

a. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện Bất Khả Kháng gây ra;

b. Thông báo ngay khi có thể cho Bên còn lại biết và gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng. Trường hợp, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng vi phạm nghĩa vụ thông báo nêu trên thì phải bồi thường thiệt hại (nếu có phát sinh thiệt hại) cho Bên còn lại.

9.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng, thời gian thực hiện Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện Bất Khả Kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

9.4. Trong trường hợp sự kiện Bất Khả Kháng kéo dài quá 90 (chín mươi) ngày, bất kỳ Bên nào cũng có quyền chấm dứt Hợp Đồng và không phải bồi thường thiệt hại cho Bên còn lại, với điều kiện phải thông báo bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến chấm dứt Hợp Đồng. Trường hợp, Bên chấm dứt Hợp Đồng vi phạm nghĩa vụ báo trước bằng văn bản thì phải bồi thường thiệt hại (nếu có phát sinh thiệt hại) cho Bên còn lại.

ĐIỀU 10: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG

10.1. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt theo một trong các trường hợp sau:

a. Không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành tại tất cả các Ngày Phát Hành;

b. Khi các Trái Phiếu được mua lại toàn bộ theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ;

c. Hợp Đồng bị đơn phương chấm dứt theo quy định tại Điều 11.2 của Hợp Đồng này;

d. Chấm dứt tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Điều 2.3 của Hợp Đồng này;

e. Theo thoả thuận bằng văn bản của Các Bên;

f. Chấm dứt Hợp Đồng theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước, tổ chức quản lý (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán…) có thẩm quyền;

g. Hai Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ quy định trong Hợp Đồng;

h. Do sự kiện Bất Khả Kháng làm cho Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng không

thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng theo quy định tại Điều 9.4 Hợp Đồng này; hoặc

i. Các trường hợp chấm dứt khác theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc quy định của pháp luật.

10.2. Khi xảy ra sự kiện chấm dứt Hợp Đồng, Các Bên tiến hành thanh lý và chấm dứt hiệu lực của Hợp Đồng này.

- Các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu đối với nội dung công việc đã thực hiện theo Điều 6 của Hợp Đồng và tiến hành thanh toán/hoàn trả cho Bên còn lại tương ứng đối với phần công việc được nghiệm thu;
- Ngoài ra, trừ trường hợp được quy định khác đi theo quy định tại Hợp Đồng này, Các Bên phải thanh toán cho Bên còn lại các khoản công nợ còn tồn đọng tính đến ngày chấm dứt Hợp Đồng: phạt vi phạm, phạt chậm thanh toán, bồi thường thiệt hại,...

ĐIỀU 11: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

11.1. Các Bên không được đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trừ trường hợp xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 9 và/hoặc quy định tại Điều 11.2 này dưới đây.

11.2. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng trong trường hợp Bên còn lại vi phạm Hợp Đồng và không/không thể khắc phục được trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể ngày nhận được văn bản thông báo của Bên bị vi phạm về việc vi phạm. Hợp Đồng chấm dứt kể từ thời điểm kết thúc thời hạn 30 (ba mươi) ngày nêu trên hoặc một thời hạn khác dài hơn được Bên bị vi phạm ấn định tại văn bản thông báo.

ĐIỀU 12: PHẠT CHẬM THANH TOÁN, PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

12.1. Phạt chậm thanh toán, phạt vi phạm:

12.1.1. Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán theo quy định của Hợp Đồng thì Bên A phải trả tiền lãi tính trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất 10% (mười phần trăm)/năm, tương ứng số ngày chậm thanh toán.

12.1.2. Nếu một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp Đồng thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra vi phạm (trừ trường hợp điều khoản Hợp Đồng cụ thể ấn định một thời hạn khác), Bên vi phạm phải khắc phục hành vi vi phạm. Nếu quá thời hạn khắc phục mà Bên vi phạm chưa hoàn thành việc khắc phục, thì Bên vi phạm phải chịu phạt vi phạm 08% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.

Bên vi phạm có trách nhiệm thanh toán tiền phạt vi phạm cho Bên bị vi phạm trong vòng

10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo phạt vi phạm của Bên bị vi phạm.

12.1.3. Các Bên được quyền cấn trừ khoản tiền phạt vi phạm vào nghĩa vụ phải thanh toán đối với Bên còn lại.

12.2. Bồi thường thiệt hại:

12.2.1. Ngoài các khoản tiền phạt vi phạm theo Hợp Đồng, Bên vi phạm còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại hoặc tổn thất thực tế và trực tiếp (bao gồm thiệt hại về kinh tế) do vi phạm Hợp Đồng cho Bên còn lại. Thiệt hại bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

a. Sự hư hỏng hay mất mát của bất kỳ tài sản nào của Bên bị vi phạm phát sinh từ hành vi vi phạm của Bên vi phạm;

b. Chi phí khắc phục thiệt hại;

c. Chi phí phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến các thiệt hại trên.

12.2.2. Bên vi phạm Hợp Đồng phải bồi thường toàn bộ các khoản thiệt hại phát sinh nêu trên cho Bên bị vi phạm trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên bị vi phạm cung cấp bằng chứng chứng minh thiệt hại.

12.2.3. Nghĩa vụ bồi thường đã phát sinh vẫn có hiệu lực cho dù Hợp Đồng bị chấm dứt. Bên A được quyền cấn trừ khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có) vào nghĩa vụ phải thanh toán đối với Bên B. Trường hợp Bên A vi phạm, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán độc lập các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định tại Điều 12 này.

12.2.4. Không bị ảnh hưởng bởi các quy định khác của Hợp Đồng, Các Bên đồng ý rằng khoản bồi thường thiệt hại của một Bên đối với Bên còn lại trong bất kỳ trường hợp nào cũng không vượt quá mức Phí Dịch vụ mà Bên B đã nhận được từ Bên A tính đến thời điểm bồi thường.

ĐIỀU 13: BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Ngoài việc áp dụng các biện pháp bảo vệ Thông Tin Mật theo quy định tại Thỏa thuận bảo mật thông tin đã ký kết giữa Các Bên, trường hợp thông tin là dữ liệu cá nhân thì Các Bên cam kết và đảm bảo:

13.1. Đảm bảo những thông tin, dữ liệu cá nhân do Các Bên cung cấp cho nhau, bao gồm nhưng không giới hạn dữ liệu cá nhân Người Sở Hữu Trái Phiếu, người lao động của Các Bên và/hoặc Bên Thứ Ba khác (sau đây gọi chung là "**Dữ liệu cá nhân**") là phù hợp quy định pháp luật, Các Bên đã xác lập và duy trì cơ sở cho việc xử lý dữ liệu cá nhân hợp pháp

theo quy định pháp luật, bao gồm sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo luật định.

Trường hợp có tranh chấp phát sinh do lỗi của Bên nào thì Bên đó chịu trách nhiệm giải quyết với chủ thể dữ liệu và/hoặc Bên Thứ Ba, trừ khi pháp luật có quy định khác.

13.2. Các Bên đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về lưu giữ, xử lý, bảo vệ Dữ liệu cá nhân và cung cấp cho Bên kia các bằng chứng chứng minh, trong phạm vi hợp lý về việc đáp ứng các điều kiện này.

13.3. Đối với dữ liệu do Bên A chuyển giao để Bên B thực hiện Hợp Đồng, Bên A là Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân và Bên B là Bên xử lý dữ liệu cá nhân, trừ trường hợp bản chất hoạt động xử lý hoặc pháp luật quy định khác.

13.4. Các Bên có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo vệ, bảo mật Dữ liệu cá nhân trong quá trình xử lý Dữ liệu cá nhân, phương án cần thiết và/hoặc theo đề nghị của Bên kia phù hợp với quy định pháp luật, bao gồm cả việc bảo vệ trước các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ Dữ liệu cá nhân và phòng, chống sự mất mát, phá hủy hoặc thiệt hại do sự cố, sử dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ, ngăn chặn truy cập trái phép, chống thất thoát Dữ liệu cá nhân và các thông tin, dữ liệu khác trong quá trình Hai Bên thực hiện Hợp Đồng.

13.5. Trường hợp một Bên cung cấp Dữ liệu cá nhân cho Bên kia thì Bên kia chỉ được lưu trữ Dữ liệu cá nhân do Bên cung cấp trong khoảng thời gian phù hợp với mục đích xử lý và sử dụng Dữ liệu cá nhân để thực hiện công việc theo thỏa thuận của Các Bên, phù hợp với quy định Văn Kiện Trái Phiếu và quy định pháp luật.

13.6. Bên B không được sử dụng Dữ liệu cá nhân do Bên A cung cấp để phân tích thương mại, tiếp thị, xây dựng hồ sơ khách hàng, phát triển sản phẩm riêng hoặc chuyển cho bên thứ ba nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A và cơ sở pháp lý phù hợp. Quy định này sẽ không áp dụng đối với bất kỳ Dữ liệu cá nhân nào mà Bên B: (i) tự thu thập, phát triển độc lập mà không dựa trên hoặc không sử dụng dữ liệu của Bên A; (ii) nhận được từ một bên thứ ba (bao gồm cả chủ thể dữ liệu) một cách hợp pháp; hoặc (iii) đã có sẵn trong cơ sở dữ liệu của Bên B trước khi ký kết Hợp Đồng này.

13.7. Mỗi Bên có nghĩa vụ xóa, trả lại toàn bộ Dữ liệu cá nhân cho Bên kia sau khi kết thúc xử lý dữ liệu và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

13.8. Trường hợp chủ thể dữ liệu (Khách hàng hoặc Bên Thứ Ba khác) thực hiện các quyền đối với Dữ liệu cá nhân theo quy định pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu, xóa dữ liệu, hạn chế xử lý dữ liệu, phản đối xử lý dữ liệu…), Các

Bên có nghĩa vụ:

a. Thực hiện theo yêu cầu của chủ thể dữ liệu trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật; và

b. Cung cấp cho Bên kia bằng bằng chứng xác nhận đã hoàn tất công việc nêu trên;

c. Trường hợp Một Bên từ chối yêu cầu, Bên đó phải phản hồi bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc, trong đó nêu lý do và cung cấp cơ sở pháp lý đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

13.9. Trường hợp phát hiện về việc xảy ra vi phạm quy định về bảo vệ Dữ liệu cá nhân (vi phạm rõ ràng hoặc tiềm tàng khả năng vi phạm), một Bên có trách nhiệm:

a. Thông báo cho Bên còn lại ngay lập tức; và

b. Hỗ trợ, phối hợp với Bên còn lại thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật và/hoặc các hoạt động cần thiết, hợp lý để giảm thiểu tối đa thiệt hại, vi phạm phát sinh.

ĐIỀU 14: CHỐNG HỐI LỘ VÀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

14.1. Các Bên nhận thức được rằng việc Hối Lộ là không được phép thực hiện dưới bất kỳ hình thức và/hoặc hoàn cảnh nào, việc dùng Hối Lộ hoặc dung túng các hành vi Hối Lộ sẽ làm ảnh hưởng tới uy tín của cả Hai Bên. Vì vậy, Các Bên cùng cam kết như sau:

14.1.1. Hoạt động kinh doanh công bằng, trung thực và minh bạch.

14.1.2. Không thực hiện hoặc đưa Hối Lộ, dù trực tiếp hay gián tiếp, để đạt được lợi thế kinh doanh.

14.1.3. Không nhận Hối Lộ, dù trực tiếp hay gián tiếp, để tạo ra lợi thế kinh doanh.

14.2. Các Bên cam kết và đồng ý:

14.2.1 Không Hối Lộ, hứa hẹn hoặc cam kết cho quà, tiền, hậu mãi hoặc lợi ích vật chất, lợi ích phi vật chất cho nhân viên của Bên kia để làm ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn của Bên kia hoặc khiến nhân viên của Bên kia cung cấp các thông tin nội bộ, Thông Tin Mật có lợi cho Bên còn lại trong việc đưa ra báo giá cạnh tranh không lành mạnh.

14.2.2 Thông báo kịp thời cho Bên kia mọi biểu hiện có liên quan đến Hối Lộ hoặc đòi Hối Lộ của nhân viên Bên kia trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.

14.3. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không bị phạt vi phạm, không phải bồi thường thiệt hại và được quyền xem xét chấm dứt tất cả các Hợp Đồng, giao dịch với Bên còn lại và Các Bên có liên quan ngay khi phát hiện Bên kia vi phạm điều khoản này. Đồng thời, Bên vi phạm phải chịu mọi tổn thất liên quan đến Hợp Đồng, bồi thường

thiệt hại và chịu phạt vi phạm Hợp Đồng theo quy định của Hợp Đồng này nếu vi phạm các điều khoản về chống Hối Lộ.

14.4. Các Bên phải đảm bảo rằng không có bất kỳ nhân viên, Người có liên quan nào theo quy định tại Điều 4.46 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (bao gồm nội dung thay thế, sửa đổi, bổ sung) của Bên mình có các lợi ích cá nhân/kinh doanh hoặc tham gia vào các hoạt động có khả năng tạo ra các xung đột lợi ích (cụ thể hay hiển nhiên) với Bên còn lại, bao gồm nhưng không giới hạn việc nhân viên, Người có liên quan của Bên mình được hưởng lợi ích từ việc có cổ phần, vốn góp hay quyền lợi khác từ việc Bên còn lại ký kết và thực hiện Hợp Đồng với Bên mình (sau đây gọi chung là "**Xung Đột Lợi Ích**"). Trong trường hợp nhân viên, Người có liên quan có các lợi ích cá nhân/kinh doanh hoặc tham gia vào hoạt động bên ngoài mà có thể tạo ra các Xung Đột Lợi Ích, Bên phát hiện có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên còn lại về các lợi ích hoặc sự tham gia đó.

Bất kỳ sự vi phạm nào đối với cam kết được quy định tại Điều 14.4 sẽ được coi là một vi phạm nghiêm trọng đối với Hợp Đồng, mà từ đó, Một Bên sẽ được quyền chấm dứt ngay lập tức Hợp Đồng này và có quyền tạm ngưng thanh toán, phạt vi phạm, yêu cầu bồi thường bất kỳ tổn thất và/hoặc thiệt hại nào xuất phát từ sự chấm dứt đó.

ĐIỀU 15: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

15.1. Hợp Đồng được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

15.2. Các Bên hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Nếu Bên nào gặp khó khăn, vướng mắc thì phải kịp thời thông báo sớm nhất cho Bên còn lại bằng văn bản nhưng chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phát sinh khó khăn, vướng mắc đó để Các Bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết.

15.3. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng sẽ được Các Bên ưu tiên giải quyết trên cơ sở thỏa thuận, thương lượng, đàm phán. Trường hợp Các Bên không thể tự thỏa thuận hoặc không muốn thỏa thuận trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ("**VIAC**"); việc giải quyết tranh chấp thực hiện theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC. Ngôn ngữ giải quyết tranh chấp là tiếng Việt. Địa điểm tiến hành trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định của Trọng tài là chung thẩm và có giá trị ràng buộc Các Bên thực hiện.

ĐIỀU 16: THÔNG BÁO, THÔNG TIN TRAO ĐỔI

16.1. Tất cả văn bản, tài liệu, thông báo, chấp thuận, yêu cầu và những liên lạc khác (được gọi

chung là "**Thông Báo**") được Các Bên gửi cho nhau thông qua các phương thức: giao tay, thư điện tử hoặc bưu điện theo thông tin Các Bên nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này (trừ trường hợp có Thông Báo thay đổi nội dung thông tin Các Bên theo đúng các phương thức quy định tại Điều này).

Các Bên cam kết về sự chính xác và hợp pháp đối với nội dung trong thông tin Các Bên nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

16.2. Trừ trường hợp Hợp Đồng có quy định khác, Thông Báo phải được lập thành văn bản.

16.3. Một Thông Báo sẽ được xem là đã nhận khi:

a. Trường hợp giao tay cho người nhận: tại thời điểm giao trực tiếp cho Bên nhận và nhận được biên nhận của việc giao thư tay *(để làm rõ, Thông Báo theo quy định này phải được thực hiện trong Giờ Làm Việc. Trong trường hợp thực hiện sau Giờ Làm Việc trong ngày, Thông Báo được xem là nhận vào Ngày Làm Việc kế tiếp; trường hợp thực hiện trước Giờ Làm Việc trong ngày, Thông Báo được xem là nhận tại thời điểm bắt đầu Giờ Làm Việc cùng ngày)*; hoặc

b. Trường hợp được gửi bằng thư điện tử: tại thời điểm ghi nhận gửi thành công theo hệ thống của Bên gửi; hoặc

c. Trường hợp gửi bằng bưu điện: tại thời điểm bưu điện hoàn thành việc gửi thư.

16.4. Các Bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, địa chỉ liên lạc hoặc nơi cư trú mới so với thông tin Các Bên được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này sớm nhất nhưng không trễ hơn 10 (mười) ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Để làm rõ, các thay đổi chỉ được áp dụng đối với Bên còn lại kể từ thời điểm Bên còn lại nhận được Thông Báo về việc thay đổi.

ĐIỀU 17: CAM KẾT VÀ TUYÊN BỐ

17.1. Mỗi Bên cam kết và tuyên bố:

a. Được thành lập, hoạt động hợp pháp và có đầy đủ thẩm quyền và năng lực tiến hành các công việc, hoạt động thuộc phạm vi Hợp Đồng theo quy định của Pháp luật Việt Nam; tính đến thời điểm giao kết Hợp Đồng, chưa có các sự kiện liên quan đến giải thể, phá sản xảy ra đối với mỗi Bên;

b. Đã hoàn thành việc thực hiện các thủ tục cần thiết và được phê duyệt, chấp thuận nội bộ và bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện theo quy định nội bộ và quy định pháp luật nhằm ký kết, tiến hành các công việc, hoạt động thuộc phạm vi Hợp Đồng; và tính đến thời điểm giao kết Hợp Đồng, các phê duyệt, chấp thuận nêu trên vẫn

còn đầy đủ hiệu lực thi hành mà không có bất kỳ văn bản nào về việc sửa đổi, hủy bỏ, thay thế, thu hồi, chấm dứt hiệu lực;

c. Các Giấy phép, chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên đó để công nhận sự thành lập và hoạt động hợp pháp, công nhận việc đáp ứng điều kiện tiến hành công việc theo Hợp Đồng là đang còn hiệu lực; và tính đến thời điểm giao kết Hợp Đồng, Bên đó không nhận được bất cứ thông báo nào về việc hủy bỏ, thu hồi, chấm dứt hiệu lực hoặc sửa đổi các giấy chứng nhận, chấp thuận hoặc giấy phép đó dẫn đến không còn được công nhận như cam kết nêu trên;

d. Việc giao kết Hợp Đồng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, Các Bên cùng có lợi, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

e. Người đại diện ký kết Hợp Đồng là người đại diện hợp pháp của Bên đó;

f. Việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng không trực tiếp/gián tiếp dẫn đến việc vi phạm bất kỳ quy định pháp luật, văn bản nội bộ hoặc cam kết, thỏa Thuận nào mà Bên đó đã ký kết;

g. Không được tự ý tạm ngừng thực hiện Hợp Đồng vì bất kỳ lý do gì nếu không có sự đồng ý của Bên còn lại, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tạm ngừng theo quy định của pháp luật;

h. Cam kết thực hiện đầy đủ các cam kết, nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

17.2. Bên A xác nhận và đồng ý rằng:

a. Bên B được miễn trừ mọi trách nhiệm trước bất kỳ Bên Thứ Ba liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng trong bất kỳ khoảng thời gian nào (trừ trường hợp nguyên nhân lỗi xuất phát từ Bên B). Trừ phần trách nhiệm do lỗi của Bên B, Bên A phải bồi thường thiệt hại cho Bên Thứ Ba đối với những mất mát, thiệt hại, nghĩa vụ nợ, trách nhiệm, kiện tụng, khiếu kiện, khiếu nại, yêu cầu, chi phí, phí (bao gồm tất cả các chi phí pháp lý, chuyên môn và các chi phí khác cũng như những khoản tiền phải trả khi giải quyết tranh chấp) khi Bên Thứ Ba yêu cầu/khiếu nại/khiếu kiện, đồng thời giữ cho Bên B không phải gánh chịu bất kỳ thiệt hại, tổn thất hoặc chi phí nào liên quan đến việc yêu cầu/khiếu nại/khiếu kiện của Bên Thứ Ba.

b. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không chịu trách nhiệm với Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất cứ Bên Thứ Ba nào trong trường hợp: Tổ Chức Phát Hành cố ý che giấu thông tin, không tuân thủ các nghĩa vụ báo cáo, cung cấp thông tin theo Hợp Đồng; hoặc các thông tin, tài liệu mà Tổ Chức Phát Hành cung cấp, công bố trong thời hạn hiệu lực của Trái Phiếu là không đầy đủ, trung thực, chính xác; hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành với tư cách là tổ chức phát hành trái phiếu theo quy

định của pháp luật, và trách nhiệm hay nghĩa vụ nào khác của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và Văn Kiện Trái Phiếu (kể cả nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác cho Người Sở Hữu Trái Phiếu) trong mọi trường hợp thuộc về Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không khẳng định và không đảm bảo việc Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc Trái Phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 18: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

18.1. Các Bên cam kết tuân thủ nội dung của Thỏa thuận bảo mật thông tin được ký kết bởi Bên A và Bên B. Thỏa thuận bảo mật thông tin nêu trên là một bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này kể cả khi Hợp Đồng này chấm dứt trước hạn hoặc thanh lý theo quy định.

18.2. Hai Bên hoàn toàn nhất trí các điều khoản đã ký ở trên và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã được ký kết. Bên nào vi phạm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bên còn lại và trước pháp luật hiện hành.

18.3. Các điều khoản và từng phần các điều khoản của Hợp Đồng này có hiệu lực riêng và độc lập với các điều khoản khác. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị xem là vô hiệu, trái pháp luật hoặc không thể thi hành, điều khoản này sẽ bị loại khỏi Hợp Đồng này, những điều khoản còn lại cũng như việc thực hiện những điều khoản đó sẽ không bị ảnh hưởng và tiếp tục có đầy đủ hiệu lực thi hành. Không mâu thuẫn với quy định nêu trên, khi phát sinh trường hợp này, Các Bên sẽ cùng nhau thống nhất điều chỉnh nội dung bị vô hiệu/trái pháp luật/không thể thi hành để đảm bảo tính thực thi đầy đủ của Hợp Đồng.

18.4. Việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện quyền của một Bên theo Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận khác liên quan đến Hợp Đồng này không có nghĩa là từ bỏ quyền và Bên có liên quan có thể thực hiện quyền đó trong tương lai.

18.5. Trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này, không Bên nào được tự ý chuyển giao bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào theo Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này cho Bên Thứ Ba nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại, Bên còn lại có toàn quyền quyết định việc đồng ý hoặc từ chối.

18.6. Một trong Các Bên không có quyền tự ý thay đổi nội dung của Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung đều phải được sự đồng ý của Các Bên phải lập thành văn bản và được coi là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

18.7. Mỗi Bên phải chịu phí và chi phí mà Mỗi Bên chi trả trong quá trình đàm phán, chuẩn bị và ký kết Hợp Đồng này, trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này.

18.8. Hợp Đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
M.S.D.N: 0301378892 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB - P.XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH
Hoàng Vy Long	**Nguyễn Đức Hoàn**

PHỤ LỤC - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

(Đính kèm theo Hợp đồng số 2209../ĐDNSHTP ngày 23../.03.../2026)

I. Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu BVBank phát hành ra công chúng năm 2026

2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu

4. Tổng số lượng trái phiếu phát hành, tổng giá trị trái phiếu phát hành, kỳ hạn và số đợt phát hành dự kiến

Tổng giá trị trái phiếu phát hành: 1.300.000.000.000 đồng *(Một nghìn ba trăm tỷ đồng)*

Số lượng trái phiếu dự kiến phát hành: 13.000.000 (mười ba triệu) trái phiếu.

Thời gian chào bán của từng đợt phát hành không được kéo dài quá 90 ngày và khoảng cách giữa đợt phát hành sau với đợt phát hành trước không quá 12 tháng.

5. Ngày phát hành: Ngày phát hành trái phiếu là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu. Trái phiếu trong một đợt chào bán có cùng ngày phát hành.

6. Lãi suất trái phiếu

- **Phương thức lãi suất áp dụng**: Lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ)
- **Nguyên tắc để xác định mức lãi suất:**

Việc xác định Lãi suất không được làm phát sinh mức lãi suất vượt quá giới hạn áp dụng đối với tổ chức tín dụng theo pháp luật ngân hàng tại từng thời điểm.

7. Mua lại trái phiếu trước hạn (Quyền mua lại trước hạn):

Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn đảm bảo an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) và sau khi Trái phiếu đã chính thức được niêm yết, Tổ Chức Phát Hành có thể thực hiện mua lại Trái phiếu trước hạn và thông báo về việc mua lại cũng như công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVBank thực hiện mua lại bao gồm: tổng mệnh giá khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán (sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân – đối với cá nhân, và các chi phí liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của BVBank từng thời kỳ). Bằng việc gửi thông báo (không hủy ngang) cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ hoặc một phần Trái Phiếu, cụ thể tại các trường hợp dưới đây:

7.1 Mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu: là ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) mua lại trước hạn toàn bộ khối lượng Trái phiếu đã phát hành tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành, lúc này Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 15 (mười lăm) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và quy chế của VSDC sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi nhận tại Tổ Chức Phát Hành hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.

Trong phạm vi các văn bản pháp luật liên quan có yêu cầu, Tổ Chức Phát Hành sẽ có quyền khấu trừ hoặc giữ lại các khoản thuế, nghĩa vụ thuế, phí và chi phí từ bất kỳ khoản nào phải thanh toán cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này để nộp cho Cơ quan Nhà nước nêu trên theo quy định.

7.2 Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Tại bất kỳ thời điểm nào, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào với bất cứ giá nào với điều kiện phải thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trước tối thiểu 15 (mười lăm) ngày tính đến ngày dự kiến mua lại Trái Phiếu trước hạn. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với số tiền gốc của Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc có bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua các Trái phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả những người sở hữu Trái phiếu.

7.3 Mua lại Trái Phiếu khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào trong các Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Điều 11.1.(f) của Bản Cáo Bạch và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu xảy ra thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

8. Phương thức thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu

- Phương thức thanh toán gốc: được trả một lần khi đến hạn hoặc vào ngày mua lại trước hạn, hoặc ngày đến hạn khác.
- Phương thức thanh toán lãi: được trả sau, định kỳ mỗi năm một lần.

BVBank gửi đến VSDC hồ sơ thực hiện quyền và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành để thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) cho người sở hữu trái phiếu.

II. Trình tự và thủ tục tổ chức hội nghị và lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu

1. Triệu Tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC

1.1. Hội Nghị sẽ do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập theo yêu cầu của người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị (Người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập là Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành trở lên.

1.2. Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định.

1.3. Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định hoặc phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để xác định Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo về Yêu Cầu Triệu Tập và Ngày Chốt Danh Sách đó hoặc thông báo trên website Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành thông báo, công bố thông tin về Yêu Cầu Triệu Tập và Ngày Chốt Danh Sách, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, phối hợp với Tổ Chức Phát hành để xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (các) Người Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

Để tránh nhầm lẫn, Ngày Chốt Danh Sách theo xác định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.

1.4. Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập Hội Nghị và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị, các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.

1.5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Tổ Chức Phát Hành để bảo đảm Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc liền sau Ngày Chốt Danh Sách có liên quan.

1.6. Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập Hội Nghị về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Đoạn 1.5 trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (với điều kiện là ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Ngày Chốt Danh Sách có liên quan) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**") cho các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Đoạn 3.2 dưới đây). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và phải được gửi ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày dự kiến khai mặc Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định/ủy quyền đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Chương Trình Và Nội Dung nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC

2.1. Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung Hội Nghị và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

2.2. Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm triệu tập có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị. Kiến nghị phải ghi rõ vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

2.3. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung vào chương trình họp của Hội Nghị. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình họp của Hội Nghị nếu được

một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC

3.1. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Chốt Danh Sách tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.

3.2. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Đoạn 3.1 trên đây và đại diện hợp pháp của các Người Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (gọi chung là "**Đại Biểu**") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị. Tuy nhiên, chỉ có Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thể Thức Tiến Hành Hội Nghị nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC

4.1. Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự Hội Nghị, với điều kiện là nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân tham dự thông qua người đại diện, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.

4.2. Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định/ủy quyền đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Người Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).

4.3. Thời điểm xác định số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.

4.4. Số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành:

(i) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ nhất để quyết định (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và để quyết định (các) Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội Nghị; và

(ii) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số đại biểu cần thiết) để quyết định (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và để quyết định (các) Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở

hữu ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành **Hội Nghị**.

4.5. Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp Hội Nghị không phải do Tổ Chức Phát Hành triệu tập) sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.

4.6. Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.

4.7. Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.

4.8. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Người Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Đoạn 4.2 nhưng không muộn hơn thời gian quy định tại Đoạn 4.3 trên đây và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

5. Biên Bản Hội Nghị nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC

5.1. Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (nếu cần) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
- Thông tin về Trái Phiếu;
- Thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
- Chương trình và nội dung Hội Nghị;
- Chủ toạ và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số Người Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết và tỷ lệ tương ứng đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- Các nội dung đã được thông qua

5.2. Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi chủ toạ và thư ký hoặc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị (áp dụng trong trường hợp chủ toạ và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản Hội Nghị). Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung mà chủ toạ và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản và/hoặc bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu) và sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3. Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản tổng hợp này được xem là Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành (trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành triệu tập Hội Nghị).

6. Tổ Chức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC

6.1. Việc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành trở lên tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

6.2. Khi có nhu cầu lấy ý kiến bằng văn bản của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (sau đây gọi là "Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản"), người có thẩm quyền yêu cầu lấy ý kiến phải gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành (nếu cần) yêu cầu lấy ý kiến bằng văn bản về việc lấy ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (sau đây gọi là "Yêu Cầu Lấy Ý Kiến"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến, có ngày dự kiến lấy ý kiến và thông tin về người yêu cầu lấy ý kiến kèm theo tài liệu chứng minh người yêu cầu lấy ý kiến có đủ thẩm quyền lấy ý kiến theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp).

6.3. Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải xác định thẩm quyền yêu cầu lấy ý kiến (trong trường hợp người yêu cầu lấy ý kiến là một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu) dựa trên các tài liệu do người yêu cầu cung cấp. Trường hợp người yêu cầu lấy ý kiến đủ thẩm quyền theo quy định, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (i) xác định Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích lấy ý kiến bằng văn bản, (ii) gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Ngày Chốt Danh Sách đó.

Đđó. Chốt Danh SáchNgười Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích lấy ý kiến bằng văn bản, (ii) gửi thông báo cho Tổ Chức P không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.

6.4. Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu lấy ý kiến để thống nhất nội dung phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu lấy ý kiến.

6.5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Tổ Chức Phát Hành để bảo đảm Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc liền sau Ngày Chốt Danh Sách có liên quan.

6.6. Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc chi trả chi phí tổ chức lấy ý kiến (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Đoạn 6.5 trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo lấy ý kiến cho tất cả người có quyền nhận thông báo theo quy định tại Đoạn 6.7 dưới đây (sau đây gọi là "Thông Báo Lấy Ý Kiến"). Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời điểm cuối cùng nhận ý kiến và phải được gửi ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn đưa ra ý kiến. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có phiếu ghi nhận ý kiến (sau đây gọi là "Phiếu Lấy Ý Kiến") và dự thảo nội dung quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến.

6.7. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Chốt Danh Sách cũng sẽ có quyền được đưa ra ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó. Chỉ có những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu mới được nhận Thông Báo Lấy Ý Kiến. Tuy nhiên, chỉ có Người Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.

6.8. Phiếu Lấy Ý Kiến đã được trả lời phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành hoặc có ý kiến khác đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.

6.9. Phiếu Lấy Ý Kiến gửi về Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được mở trước khi kiểm phiếu. Các Phiếu Lấy Ý Kiến gửi về Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sau thời hạn đã xác định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến đều không hợp lệ (trừ trường hợp Thông Báo Lấy Ý Kiến quy định khác).

6.10. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành phải cùng nhau kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của người yêu cầu lấy ý kiến (nếu người yêu cầu lấy ý kiến không phải là Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc nhận ý kiến bằng văn bản. Biên bản kiểm phiếu phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Số Người Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
- Tổng số ý kiến tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; và
- Các nội dung đã được thông qua.
- Biên bản kiểm phiếu phải được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

6.11. Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Văn bản tổng hợp này được xem là Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu trong lần lấy ý kiến có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành (trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành triệu tập Hội Nghị).

7. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC

7.1. Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan, các quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của pháp luật có liên quan, các quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng)).

7.2. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với VSDC để nhận danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Ngày Chốt Danh Sách tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản (tùy trường hợp áp dụng).

8. Các Quy Định Chung

8.1. Khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình tổ chức Hội Nghị hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết (hay trong kiến nghị bổ sung chương trình) (kể cả bầu ban kiểm phiếu và ấn định chương trình và nội dung Hội Nghị), vấn đề đó được xem là được quyết định hoặc chấp thuận bởi Hội Nghị nếu được một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

8.2. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy

9/10

từng trường hợp áp dụng). Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành trên cơ sở có thu phí.

8.3. Điều kiện để Nghị quyết của Hội nghị và/hoặc Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sẽ tuân theo các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

8.4. Mọi chi phí, phí tổn thực tế liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản sẽ do Tổ Chức Phát Hành hoặc người yêu cầu tổ chức Hội Nghị/Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản gánh chịu tùy thuộc vào chủ thể nào thực hiện thì chủ thể đó gánh chịu các chi phí liên quan.

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Số: 01/2309/ĐDNSHTP

Ngày 23 tháng 09 năm 2026

Giữa

NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT (BVBANK)

Và

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

ACBS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng Đại diện Người sở hữu Trái phiếu)

số **2309/ĐDNSHTP** *ngày 23/09/2026 ("**Hợp Đồng**"))*

Hôm nay, ngày 23 tháng 09 năm 2026, tại Trụ sở Công ty TNHH Chứng khoán ACB, chúng tôi gồm có:

BÊN A: NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT (BVBANK)

(sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**Bên A**")

GCNĐKDN/GP hoạt động số:	0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992 và các lần sửa đổi, bổ sung
Địa chỉ:	Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 62 679 679
Đại diện:	**Ông HOÀNG VY LONG**
Chức vụ:	**Giám đốc Khối thị trường tài chính BVBank**

Theo Giấy ủy quyền số 1322a/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 22/09/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt

(sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**Bên A**")

Và

BÊN B: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

GCNĐKDN/GP hoạt động số:	06/GPHĐKD được cấp bởi UBCKNN ngày 29/6/2000
Địa chỉ:	Tầng 3 - Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 7300 7000
Fax:	(028) 7300 3751
Tài khoản thanh toán:	1163 999 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Lê Ngô Cát
Đại diện:	**Ông NGUYỄN ĐỨC HOÀN**
Chức vụ:	**Tổng Giám đốc**

Theo giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12/02/2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên

(sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**Bên B**")

Bên A và Bên B được gọi riêng là "**Bên**" và được gọi chung là "**Các Bên**" hoặc "**Hai Bên**".

Các Bên cùng nhau ký kết Phụ lục Hợp đồng dịch vụ Đại diện Người sở hữu Trái phiếu này (sau đây gọi tắt là "**Phụ lục Hợp đồng**"), với các nội dung như sau:

Trừ trường hợp được định nghĩa khác đi tại Phụ lục Hợp đồng này, các từ và thuật ngữ in hoa khi được sử dụng tại Phụ lục Hợp đồng này sẽ có nghĩa như được định nghĩa tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 1: ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A

- **Thông tin cũ:**

  (Theo Giấy ủy quyền số 22/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 08/01/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt)

- **Thông tin điều chỉnh:**

  (Theo Giấy ủy quyền số 13220/26/BVBank/QĐ-TGĐ ngày 22/09/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt)

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

2.1 Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

2.2 Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký nêu tại phần đầu của Phụ lục Hợp đồng. Những nội dung theo Hợp Đồng không được đề cập đến trong Phụ lục Hợp đồng này vẫn không thay đổi và được giữ nguyên hiệu lực.

2.3 Phụ lục Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
M.S.D.N: 0301378892 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB - P.XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH
Hoàng Vy Long	**Nguyễn Đức Hoàn**